

Cần Thơ, ngày 31 tháng 3 năm 2014

QUY CHẾ THỰC HIỆN DÂN CHỦ TẠI CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết khoản 3 điều 63 của bộ Luật lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc,

Được sự nhất trí giữa BGD Công ty và BCH Công đoàn, nay Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc với những nội dung như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, ý nghĩa về thực hiện Quy chế dân chủ

- Thực hiện dân chủ trong Công ty.
- Phát huy sáng tạo của tập thể và cá nhân.
- Nâng cao hiệu quả thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.
- Chống vi phạm dân chủ, vi phạm kỷ luật, gây mất đoàn kết nội bộ.
- Phân định rõ về lợi ích của doanh nghiệp, về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên.
- Tăng cường trách nhiệm giám sát lẫn nhau.

Điều 2. Thực hiện dân chủ với nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp và quản lý sản xuất kinh doanh

- Thực hiện phân công, phân cấp, giao trách nhiệm cụ thể.
- Sáng tạo phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường.
- Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của đơn vị.
- Thực hiện đúng đắn quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Người lao động.



Điều 3. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

1. Quy chế này quy định thống nhất việc thực hiện dân chủ của toàn Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ.

2. Đối tượng áp dụng:

- a. Người sử dụng lao động;
- b. Người lao động;
- c. Công đoàn cơ sở Công ty.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc

1. Quán triệt sự lãnh đạo của Đảng, mọi tổ chức, cá nhân đều phải thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Giám đốc Công ty tôn trọng, bảo đảm các quyền dân chủ của người lao động tại nơi làm việc; quyền dân chủ được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật thông qua quy chế dân chủ của doanh nghiệp.

3. Người sử dụng lao động và Đại diện người lao động (Công đoàn cơ sở Công ty) xây dựng và thực hiện công khai, minh bạch quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động, người sử dụng lao động và Nhà nước.

Điều 5. Người sử dụng lao động và Người lao động phải:

- Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.
- Thực hiện đúng Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.
- Chấp hành nội quy, quy chế của Công ty.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của tổ chức Công đoàn Công ty trong phát huy dân chủ của người lao động

1. Công đoàn là tổ chức đại diện người lao động bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và tập thể người lao động, có trách nhiệm tổ chức để người lao động thực hiện quyền được biết, được tham gia, được kiểm tra, giám sát và được quyết định những vấn đề trực tiếp liên quan đến người lao động.

2. Chủ tịch Công đoàn cơ sở hoặc người do Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở uỷ quyền tham gia ý kiến về vấn đề liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể người lao động trong đơn vị.

Điều 7. Những hành vi cấm khi thực hiện dân chủ tại nơi làm việc

1. Thực hiện trái các quy định của pháp luật.

2. Xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Công ty nói riêng và Nhà nước nói chung.
3. Xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động và người lao động.
4. Trù dập, phân biệt đối xử với người tham gia đối thoại, người khiếu nại, tố cáo.

Chương II

NỘI DUNG QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ TẠI NƠI LÀM VIỆC

Mục 1

NHỮNG VIỆC PHẢI CÔNG KHAI

Điều 8. Nội dung người sử dụng lao động phải công khai

1. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, Xí nghiệp, phòng, ban, tổ, đội sản xuất.
2. Nội quy, quy chế, quy định của doanh nghiệp, bao gồm: nội quy lao động; quy chế tuyển dụng, sử dụng lao động; định mức lao động; thang, bảng lương, quy chế nâng bậc lương, quy chế trả lương, trả thưởng; quy chế tài chính; trang bị bảo hộ lao động, quy trình vận hành máy, thiết bị, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ; bảo vệ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ; thi đua, khen thưởng, kỷ luật.
3. Tình hình thực hiện các chế độ, chính sách tuyển dụng, sử dụng lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề, tiền lương, tiền thưởng, khấu trừ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế cho người lao động.
4. Thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp.
5. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động đóng góp.
6. Trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
7. Công khai tài chính hàng năm của doanh nghiệp về các nội dung liên quan đến người lao động.
8. Điều lệ hoạt động của doanh nghiệp và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Giám đốc phối hợp chặt chẽ với tổ chức Công đoàn thông tin kịp thời, đúng đối tượng những nội dung phải công khai phù hợp với hình thức.

Mục 2

NHỮNG VIỆC NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA Ý KIẾN

Điều 10. Nội dung người lao động tham gia ý kiến (Giám đốc Công ty phải giải trình và kết luận)

1. Phương hướng sản xuất kinh doanh hàng năm.
2. Các biện pháp phát triển sản xuất kinh doanh.
3. Các biện pháp, điều kiện lao động có tác động đến Người lao động.
4. Góp ý nội dung chủ yếu của nội quy, quy chế và thỏa ước lao động tập thể.
5. Xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế, quy định phải công khai tại doanh nghiệp.
6. Các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.
7. Xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp.
8. Nghị quyết hội nghị người lao động.
9. Quy trình, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động, xử lý kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất.
10. Các nội dung khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Căn cứ vào đặc điểm và mô hình sản xuất kinh doanh, Công ty được tổ chức Hội nghị Người lao động hàng năm và 6 tháng sơ kết cho Đại biểu (lãnh đạo các đơn vị trực thuộc).

Mục 3

NHỮNG VIỆC NGƯỜI LAO ĐỘNG QUYẾT ĐỊNH

Điều 12. Nội dung người lao động quyết định

1. Giao kết hợp đồng lao động, thực hiện hợp đồng lao động, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung thương lượng thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp.
3. Thông qua nghị quyết hội nghị người lao động.
4. Gia nhập hoặc không gia nhập tổ chức công đoàn.
5. Quyền bầu Ban Thanh tra nhân dân.
6. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Mục 4

QUYỀN KIỂM TRA GIÁM SÁT CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 13. Nội dung người lao động kiểm tra, giám sát

1. Nhiệm vụ chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.
2. Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Người lao động.
3. Thực hiện nội quy, quy chế của đơn vị.
4. Thực hiện thỏa ước lao động tập thể.
5. Thực hiện Hợp đồng lao động.
6. Thực hiện các chính sách, chế độ do Nhà nước ban hành.
7. Kết quả giải quyết tranh chấp lao động.
8. Trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động đóng góp; trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
9. Tình hình thi đua, khen thưởng, kỷ luật; khiếu nại, tố cáo và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; kết luận của thanh tra, kiểm toán và thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động.
10. Thực hiện Điều lệ Công ty và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HÌNH THỨC THỰC HIỆN DÂN CHỦ TẠI CÔNG TY

Điều 14. Các hình thức thực hiện dân chủ:

1. Hội nghị người lao động;
2. Đối thoại trực tiếp;
3. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật khi cần thiết.



Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có IV chương, 16 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Ban giám đốc Công ty, BCH công đoàn, các phòng ban, tổ, đội và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty chịu trách nhiệm thi hành quy chế này. /*nmbl*

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

Nguyễn Tùng Nguyên